

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN BÀN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14/9/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông La Văn Hải và bà Hà Thị Hằng;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh - Kiểm sát viên;

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2021/TLST-HNGĐ Ngày 03/6/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Triệu Thị M, sinh năm 1988.

ĐKKHKT: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở hiện nay: Thôn K, xã S, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Triệu Tồn S, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Hà Văn T. Sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai;

Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Triệu Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Triệu Tồn S tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 06/02/2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, bất đồng về tính cách và cách nuôi dạy con cái, nên dẫn đến tình trạng thường xuyên xảy ra cãi, chửi nhau. Từ năm 2016 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn K, xã S, huyện V, tỉnh Lào Cai sinh sống và sống ly thân với anh S. Đến nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn hạnh phúc, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn giải quyết ly hôn với anh Triệu Tồn S.

Về con chung: Chị Triệu Thị M xác nhận anh chị không ai có con riêng, vợ chồng có 02 người con chung là: Cháu Triệu Kim T1, sinh ngày 22/9/2007 và cháu Triệu Kim T2, sinh ngày 25/02/2009. Hiện nay các cháu đang sống cùng anh Triệu Tồn S. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết: Giao cháu Triệu Kim T1 cho anh Triệu Tồn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Triệu Kim T2, sinh ngày 25/02/2009 cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ gì, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Triệu Tồn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí lời trình bày của nguyên đơn chị Triệu Thị M về thời gian kết hôn, thời gian xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn và cũng xác nhận vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, nhưng do muốn níu kéo quan hệ vợ chồng, nên anh không nhất trí ly hôn với chị M.

Về con chung: Anh S xác nhận vợ chồng có 02 người con chung như chị M trình bày. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh đề nghị giao cả hai cháu Triệu Kim T1, sinh ngày 22/9/2007 và cháu Triệu Kim T2, sinh ngày 25/02/2009 cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh đề nghị chị M có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng số tiền là 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*)/cháu/tháng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh và chị M tự thỏa thuận phân chia, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ gì, nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Qua xác minh tại chính quyền và người làm chứng xác nhận: Chị Triệu Thị M và anh Triệu Tồn S có đăng ký kết hôn và có 02 con chung như trình bày nêu

trên, vợ chồng anh chị có nhiều mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2016 như lời trình bày của các đương sự là đúng.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Triệu Thị M và bị đơn anh Triệu Tồn S đều có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn mở phiên tòa để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Triệu Thị M có mặt tại phiên tòa, bị đơn anh Triệu Tồn S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 78 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án. Giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Triệu Thị M. Xử chị Triệu Thị M được ly hôn với anh Triệu Tồn S.

- Về con chung: Giao cháu Triệu Kim T1, sinh ngày 22/9/2007 cho anh Triệu Tồn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Triệu Kim T2, sinh ngày 25/02/2009 cho chị Triệu Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí sơ thẩm: Chị Triệu Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh Triệu Tồn S không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Triệu Thị M khởi kiện Ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn anh Triệu Tồn S, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ

án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai và quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Triệu Tồn S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: Chị Triệu Thị M và anh Triệu Tồn S tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 06/02/2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Triệu Thị M và anh Triệu Tồn S là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến đầu năm 2015 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bất đồng về tính cách và nuôi dạy con, dẫn đến tình trạng vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi, chửi nhau. Đến năm 2016 vợ chồng sống ly thân. Đối với phía bị đơn anh S mặc dù không nhất trí ly hôn, nhưng đều công nhận nội dung vợ chồng mâu thuẫn như nêu trên là đúng và cũng xác nhận vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Như vậy, có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Chị Triệu Thị M đối với anh Triệu Tồn S là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về nuôi con chung: Chị Triệu Thị M đề nghị Tòa án giải quyết: Giao cháu Triệu Kim T1, sinh ngày 22/9/2007 cho anh Triệu Tồn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Triệu Kim T2, sinh ngày 25/02/2009 cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Nhưng anh Triệu Tồn S có nguyện vọng nuôi cả 02 cháu và yêu cầu chị M cấp dưỡng định kỳ hàng tháng là 500.000đ/cháu/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định của Luật hôn nhân gia đình, sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Chị Triệu Thị M và anh Triệu Tồn S đều làm công việc tự do là trồng trọt, chăn nuôi và đi làm thuê tại địa phương, có mức thu nhập khoảng là 4,5 đến 05 triệu đồng/tháng. Với mức thu nhập này mỗi người chỉ đảm bảo điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt đối với 01 cháu. Ngoài ra, các cháu T1 và T2 đều đang độ tuổi ăn học và phát triển tâm, sinh lý. Do công việc của Chị M và anh S chủ yếu là làm nông nghiệp, đặc thù nghề nông nên mỗi người nuôi 01 cháu sẽ đảm bảo tốt hơn về mặt thời gian trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu, để các cháu phát triển tốt cả về thể chất và tinh thần.

Khi Tòa án tiến hành ghi ý kiến thì cháu Triệu Kim T1 có nguyện vọng ở với anh Triệu Tồn S. Cháu Triệu Kim T2 có nguyện vọng ở với chị Triệu Thị M.

Từ phân tích nêu trên, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con cũng như xem xét đến nguyện vọng của các cháu, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của chị Triệu Thị M đề nghị giao cháu Cháu Triệu Kim T, sinh ngày 22/9/2007 cho anh Triệu Tồn S; giao cháu Triệu Kim T2, sinh ngày 25/02/2009 cho chị Triệu Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật, nên cần được chấp nhận.

Yêu cầu của bị đơn anh Triệu Tồn S đề nghị được nuôi cả 02 cháu Triệu Kim T1, Triệu Kim T2 và yêu cầu chị Triệu Thị M phải cấp dưỡng nuôi 02 cháu mức định kỳ hàng tháng là 500.000đ/cháu/tháng là không phù hợp, nên không được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Triệu Thị M phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 229; Khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Triệu Thị M:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị M được ly hôn với anh Triệu Tồn S;
- Về con chung: Giao cháu Triệu Kim T1, sinh ngày 22/9/2007 cho anh Triệu Tồn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Triệu Kim T1 đủ 18 tuổi. Giao cháu Triệu Kim T2, sinh ngày 25/02/2009 cho chị Triệu Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Triệu Kim T2 đủ 18 tuổi.

Chị Triệu Thị M và anh Triệu Tồn S không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Chị Triệu Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004139 ngày 03/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Triệu Thị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Triệu Tồn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC (1);
- VKSND (2);
- Các đương sự (2);
- CCTHADS (1);
- UBND xã T (1);
- Lưu HS, TP, TA (4).

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Nghĩa

